



# tesa<sup>®</sup> 4968

## Thông tin Sản phẩm



Băng keo có lớp nền film hai mặt

### Product Description

tesa<sup>®</sup> 4968 là băng keo hai mặt màu trắng bao gồm nền film PVC và keo acrylic cải tiến  
tesa<sup>®</sup> 4968 có tính năng đặc biệt:

- Mức độ bám dính vượt trội ngay cả với các vật liệu năng lượng bề mặt thấp khó dính như PP và PE
- Khả năng dính ngay lập tức nhờ độ dính ban đầu cao
- Keo acrylic chống ánh sáng và chống lão hóa

### Đặc trưng

- Excellent adhesion and bonding strength, often also on low surface energy surfaces
- Immediate functionality of the laminated bond due to excellent initial tack
- Light and aging-resistant acrylic adhesive for long-term applications
- Very good plasticizer resistance

### Ứng dụng

- Gắn gương xe bên ngoài không nhiệt lên khung giử
- Gắn đường gờ và các bộ phận thanh trang trí trong các ngành công nghiệp nội thất

### Technical Information (average values)

The values in this section should be considered representative or typical only and should not be used for specification purposes.

### Cấu tạo sản phẩm

- |                            |                  |                          |                     |
|----------------------------|------------------|--------------------------|---------------------|
| • Backing                  | Film PVC         | • Màu sắc                | trắng               |
| • Loại keo                 | acrylic cải tiến | • Màu lớp lót            | nâu                 |
| • Vật liệu lớp lót (liner) | giấy             | • Định lượng của lớp lót | 80 g/m <sup>2</sup> |
| • Độ dày                   | 295 µm           | • Độ dày lớp lót         | 69 µm               |

### Thuộc tính / Giá trị hiệu suất

- |                             |         |                                 |            |
|-----------------------------|---------|---------------------------------|------------|
| • Độ giãn dài tới đứt       | 130 %   | • Kháng lực kéo trượt tĩnh 23°C | tốt        |
| • Lực kéo căng              | 30 N/cm | • Kháng lực kéo trượt tĩnh 40°C | trung bình |
| • Chịu nhiệt trong dài hạn  | 60 °C   | • Khả năng chống lão hóa (UV)   | tốt        |
| • Chịu nhiệt trong ngắn hạn | 70 °C   | • Khả năng chống ẩm             | rất tốt    |
| • Kháng chất làm mềm        | rất tốt | • Temperature resistance min.   | -40 °C     |
| • Kháng hóa chất            | tốt     | • Độ dính ban đầu               | rất tốt    |

để biết thêm thông tin mới nhất của sản phẩm xin vui lòng cập nhật vào <http://l.tesa.com/?ip=04968>



# tesa<sup>®</sup> 4968

## Thông tin Sản phẩm

### Độ bám dính

• ABS (ban đầu)	13.1 N/cm	• PP (ban đầu)	11 N/cm
• ABS (sau 14 ngày)	20 N/cm	• PP (sau 14 ngày)	14.1 N/cm
• nhôm (ban đầu)	10.3 N/cm	• PS (ban đầu)	11.9 N/cm
• nhôm (sau 14 ngày)	20.7 N/cm	• PS (sau 14 ngày)	18.2 N/cm
• PC (ban đầu)	13.8 N/cm	• PVC (ban đầu)	10.6 N/cm
• PC (sau 14 ngày)	24.6 N/cm	• PVC (sau 14 ngày)	25.3 N/cm
• PET (ban đầu)	9.6 N/cm	• thép (ban đầu)	12.5 N/cm
• PET (sau 14 ngày)	12.7 N/cm	• thép (sau 14 ngày)	21.2 N/cm

### Thông tin thêm

Các loại lớp lót:

PV0 giấy glassine nâu (71µm)

PV6 MOPP đỏ (80µm)

Dữ liệu bám dính đo ở 180 độ.

Các giá trị được tổng hợp từ quá trình phát triển sản phẩm.

### Disclaimer

sản phẩm của tesa@ được cải tiến chất lượng theo yêu cầu và được quản lý chặt chẽ từ giai đoạn sản xuất. Tất cả các thông tin và tư vấn sản phẩm được cung cấp dựa trên kinh nghiệm thực tiễn và kiến thức của chúng tôi. Tuy nhiên, tesa SE không thể đảm bảo hay quy định một cách rõ ràng hoặc ngụ ý, có bao gồm nhưng không giới hạn cho mục đích sử dụng cụ thể. Do đó, người tiêu dùng nên nhận định sản phẩm tesa đang sử dụng có phù hợp cho mục đích sử dụng mà khách hàng đang nhắm tới hay không, có phù hợp với phương pháp mà khách hàng sử dụng hay không. Nếu có bất kỳ sự nghi ngờ nào, đội ngũ kỹ thuật của chúng tôi rất vui lòng để tư vấn cho quý khách



để biết thêm thông tin mới nhất của sản phẩm xin vui lòng cập nhật vào <http://l.tesa.com/?ip=04968>